

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2019

“V/v Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Ngọc Trứ;**

- Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân;**

Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Đoàn Quốc C**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị N, anh C có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị và anh Đoàn Quốc C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Quý, thị xã Cai Lay theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 05/4/2013. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo làm ăn và chăm sóc vợ con, thường xuyên xảy ra xung đột, chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng anh C không sửa tính tình, nên anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn được chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Đoàn Quốc K, sinh ngày 19/4/2013 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu K và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đoàn Quốc C trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị N về thời gian chung sống, kết hôn cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng về con chung cũng như tài sản chung, nợ chung. Về ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung anh xin được nuôi dưỡng cháu Đoàn Quốc K, sinh ngày 19/4/2013 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh C kết hôn năm 2012 có 01 con chung. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, do anh C không quan tâm chăm sóc gia đình mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Tại Tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C và anh C đồng ý. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Đoàn Quốc K, sinh ngày 19/4/2013 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu K và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại anh C không có nghề nghiệp ổn định, anh C lại bị bệnh bẩm sinh hiện còn sống chung cha, mẹ nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị N buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N và anh Đoàn Quốc C tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 05/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C lý do chị cho rằng anh C không lo làm ăn, thường gây gổ với chị,

không quan tâm chăm sóc vợ con, nay chị thấy không còn hạnh phúc với anh C, anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Tại phiên tòa anh C cũng thừa nhận anh không quan tâm chăm sóc vợ con, và thiếu trách nhiệm với gia đình, bản thân anh đã bị bệnh bẩm sinh do đó cũng có phần ảnh hưởng trong việc chăm sóc gia đình. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung anh cũng thống nhất.

Về con chung anh yêu cầu được nuôi cháu Đoàn Quốc K sinh ngày 19/4/2013 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy tình cảm giữa chị N và anh C không thể hàn gắn được, bởi lẽ trong quá trình chung sống anh không lo chăm sóc cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra xung đột. Bản thân anh C cũng bị bệnh bẩm sinh từ nhỏ và tại phiên Tòa hôm nay anh đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh C.

[3] Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Đoàn Quốc K, sinh ngày 19/4/2013 hiện đang sống với chị. Tại phiên tòa anh C yêu cầu được nuôi cháu K không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét từ khi chị N và anh C ly thân với nhau chị N nuôi dưỡng cháu K. Đồng thời bản thân anh C bị bệnh bẩm sinh tiếng nói không nghe rõ và hiện nay anh không có nghề nghiệp ổn định, sống nhờ vào cha mẹ ruột của anh. Do đó cần để chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi lao động được.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị N, anh C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đoàn Quốc C.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đoàn Quốc K, sinh ngày 19/4/2013.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chấp nhận một phần yêu cầu của chị N buộc Anh Đoàn Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi lao động được. Thời gian cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

- **Về án phí HNST:**

Chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002266 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy. Như vậy, chị N đã nộp xong.

Anh Đoàn Quốc C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Quý;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp

